

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2021.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
- ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật

2. Ông Lam Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1997, chị Lê Thị Hồng Th và anh Trương Văn T do quen biết và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 04/7/1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh Tú không chăm lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn quan tâm chia sẻ cuộc sống chung vợ chồng, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Về con chung: Chị Th và anh T có 03 con chung tên Trương Thoại M (nữ), sinh ngày 15/5/1998, Trương Tú M1 (nữ), sinh ngày 25/4/2002 và cháu Trương Phong Nh (nam), sinh ngày 16/9/2008. Các cháu hiện đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nh, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng. Đối với cháu Thoại M và Tú M1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh T để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T. Anh T cũng không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tú.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho ly hôn giữa chị Th và anh T; Về con chung: Giao cháu Nh cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng do chị Th chưa yêu cầu, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở;

Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét; Về án phí buộc chị Th phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Th khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Trương Văn T. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Bị đơn Trương Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, thông báo tố tụng theo quy định pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với quan hệ hôn nhân, chị Th và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 1998 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị Th và anh T được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Th và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị Th cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể hàn gắn, chị Th không thể tiếp tục sống chung với anh T được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị Th và anh T nhiều lần để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Đến thời điểm xét xử chị Th vẫn cương quyết ly hôn, không thay đổi lời khai, kết hợp với kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh T của tòa án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, chị Th và anh T đã ly thân rất lâu từ năm 2012 cho đến nay nhưng không thể hàn gắn. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị Th và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th. Cho chị Th và anh T được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Chị Th và anh T có 03 con chung tên Trương Thoại M (nữ), sinh ngày 15/5/1998, Trương Tú M1 (nữ), sinh ngày 25/4/2002 và cháu Trương Phong Nh (nam), sinh ngày 16/9/2008. Xét thấy, từ khi chị Th và anh T ly thân cho đến nay, cháu Nh sống chung với chị Th, được chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Cháu Nh đã hơn 07 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Th. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu Nh nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nh cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh do chị Th chưa yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với cháu Thoại M và Tú M1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Th khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Th khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng Th đối với anh Trương Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng Th và anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Phong Nh (nam), sinh ngày 16/9/2008 cho chị Lê Thị Hồng Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Nhã do chị Th chưa yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với cháu Trương Thoại M (nữ), sinh ngày 15/5/1998, Trương Tú M1 (nữ), sinh ngày 25/4/2002 đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Th khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Th khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Th phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo lai thu số 0006097 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần